

Bà Kim tra

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 18 /2015/QĐ-UBND

Bà Rịa, ngày 07 tháng 4 năm 2015

SỞ TƯ PHÁP T. BÀ RỊA - VŨNG TÀU

CÔNG VĂN BẢN

Số: 1624

Ngày: 23.1.14.1.2015

### QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế phối hợp kiểm tra, đối chiếu thông tin và sử dụng thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản nhà nước trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.**

### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03/12/2004;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước ngày 03/6/2008;

Căn cứ Nghị định số 52/2009/NĐ-CP ngày 03/6/2009 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 245/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính quy định thực hiện một số nội dung của Nghị định số 52/2009/NĐ-CP ngày 03/6/2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 09/2012/TT-BTC ngày 19/01/2012 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung Thông tư số 245/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định thực hiện một số nội dung của Nghị định số 52/2009/NĐ-CP ngày 03/6/2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 198/2013/TT-BTC ngày 20/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc quản lý, sử dụng, xử lý tài sản của các dự án sử dụng vốn nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 184/2014/TT-BTC ngày 01/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Hướng dẫn việc quản lý, sử dụng, khai thác Phần mềm Quản lý đăng ký tài sản nhà nước;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 725/TTr-STC ngày 26/03/2015 về việc ban hành Quy chế phối hợp kiểm tra, đối chiếu thông tin và sử dụng thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản nhà nước trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu,

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp kiểm tra, đối chiếu thông tin và sử dụng thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản nhà nước trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Thủ trưởng các Sở, Ban, Ngành, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: <sup>7</sup>

- Văn phòng Chính phủ (đề b/c);
- Bộ Tài chính (Cục Quản lý Công sản);
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra VB);
- Đoàn Đại biểu QH tỉnh;
- TTr. Tỉnh ủy, TTr. HĐND Tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Website CCHC tỉnh;
- Trung tâm Công báo tin học tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Như Điều 3;
- Báo BRVT; Đài PT- TH BR-VT;
- Lưu: VT-TH. <sup>12</sup>

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN <sup>mm</sup>

KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



<sup>ng</sup>  
Nguyễn Thành Long

## QUY CHẾ

**Phối hợp kiểm tra, đối chiếu thông tin và sử dụng thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản nhà nước trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 18 /2015/QĐ-UBND ngày 14 /2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu)*

### Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

#### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Quy chế này quy định mối quan hệ phối hợp, kiểm tra, đối chiếu thông tin và sử dụng thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản nhà nước và tài sản của các dự án sử dụng vốn nhà nước (sau đây gọi tắt là CSDL) giữa Sở Tài chính với các Sở, Ban, Ngành; UBND các huyện, thành phố và các cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản nhà nước trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

2. Quy chế này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ban quản lý dự án sử dụng vốn nhà nước (bao gồm cả chủ đầu tư, chủ dự án trong trường hợp không thành lập Ban quản lý dự án) trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Riêng đối với các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Công an, Bộ Quốc phòng và các cơ quan trực thuộc Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh thực hiện theo hướng dẫn riêng của các Bộ, ngành Trung ương.

3. Tài sản nhà nước phải thực hiện báo cáo kê khai và cập nhật thông tin kê khai về tài sản nhà nước vào Phần mềm Quản lý đăng ký tài sản nhà nước gồm:

a) Trụ sở làm việc, quyền sử dụng đất để xây dựng trụ sở làm việc, tài sản khác gắn liền với đất;

b) Xe ô tô các loại;

c) Tài sản không thuộc phạm vi quy định tại điểm a và điểm b khoản này có nguyên giá theo sổ kế toán từ 500 triệu đồng trở lên /1 đơn vị tài sản.

4. Tài sản của các dự án sử dụng vốn nhà nước phải thực hiện báo cáo kê khai và cập nhật thông tin kê khai về tài sản của các dự án sử dụng vốn nhà nước vào Phần mềm Quản lý đăng ký tài sản nhà nước gồm:

a) Trụ sở làm việc của Ban quản lý dự án;

b) Ô tô các loại;

c) Các tài sản khác đủ tiêu chuẩn là tài sản cố định theo quy định về tiêu chuẩn và nhận biết tài sản cố định trong cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và các tổ chức có sử dụng ngân sách nhà nước.

## **Điều 2. Nguyên tắc phối hợp**

Việc phối hợp giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ban quản lý dự án phải tuân theo nguyên tắc chặt chẽ, kịp thời, thống nhất, đảm bảo tính chính xác số liệu của cả tỉnh, từng cấp, từng cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ban quản lý dự án trong CSDL.

## **Điều 3. Mục đích phối hợp**

Việc phối hợp nhằm cung cấp thông tin để kiểm tra, đối chiếu kết quả đăng nhập dữ liệu tài sản nhà nước (trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp; xe ô tô các loại; tài sản khác có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản) và tài sản của các dự án sử dụng vốn nhà nước (trụ sở làm việc, ô tô các loại, các tài sản khác đủ tiêu chuẩn là tài sản cố định theo quy định về tiêu chuẩn và nhận biết tài sản cố định trong cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và các tổ chức có sử dụng ngân sách nhà nước) thuộc diện phải kê khai đăng ký vào Phần mềm Quản lý đăng ký tài sản nhà nước và sử dụng thông tin lưu giữ trong CSDL vào các mục đích:

- Thực hiện báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản nhà nước, tài sản của các dự án sử dụng vốn nhà nước hàng năm theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước và các báo cáo khác theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

- Đảm bảo công tác quản lý, sử dụng tài sản nhà nước được thực hiện công khai, minh bạch. Lập dự toán, xét duyệt quyết toán, quyết định, kiểm tra, kiểm toán, thanh tra việc đầu tư xây dựng, mua sắm, nâng cấp cải tạo, sửa chữa, sử dụng, xử lý (thu hồi, bán, điều chuyển, thanh lý, tiêu hủy) tài sản nhà nước tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị, tài sản của các dự án sử dụng vốn nhà nước; không xem xét, quyết định hoặc trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định việc xử lý tài sản của các dự án sử dụng vốn nhà nước khi tài sản phục vụ công tác của dự án đó chưa được đăng nhập vào Phần mềm.

## **Điều 4. Trách nhiệm các bên trong quan hệ phối hợp**

1. Sở Tài chính có trách nhiệm:

a) Hướng dẫn chuyên môn nghiệp vụ liên quan đến Phần mềm Quản lý đăng ký tài sản nhà nước của Bộ Tài chính cho các đơn vị trong Tỉnh;

b) Tham mưu cho UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh xử lý những đơn vị vi phạm quy định trong việc lập Báo cáo kê khai, nhập dữ liệu, duyệt dữ liệu, khai thác, sử dụng thông tin theo quy định của pháp luật;

c) Tổng hợp báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản nhà nước, tài sản của các dự án sử dụng vốn nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, trình UBND tỉnh báo cáo Bộ Tài chính theo định kỳ, đúng thời gian quy định;

d) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo hướng dẫn của Bộ Tài chính và quy định cụ thể tại Quy chế này.

2. UBND các huyện, thành phố; Các Sở, Ban, Ngành cấp tỉnh có trách nhiệm:

a) Xác nhận báo cáo kê khai của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ban quản lý dự án thuộc phạm vi quản lý;

b) Tổng hợp, báo cáo biến động của tài sản nhà nước và tài sản của các dự án sử dụng vốn nhà nước theo đúng thời hạn quy định;

c) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định tại Quy chế này và quy định của pháp luật có liên quan.

3. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ban quản lý dự án có tài sản phải báo cáo, kê khai có trách nhiệm:

a) Lập báo cáo kê khai tài sản nhà nước, tài sản của các dự án sử dụng vốn nhà nước theo quy định.

b) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định tại Quy chế này và quy định của pháp luật có liên quan.

## **Chương II**

### **QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

#### **Điều 5. Phối hợp trong việc lập, xác nhận Báo cáo kê khai, cập nhật dữ liệu tài sản nhà nước vào CSDL**

1. Hình thức báo cáo kê khai lần đầu:

a) Hình thức báo cáo kê khai lần đầu đối với tài sản nhà nước:

Cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản nhà nước là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô các loại, tài sản khác có nguyên giá theo sổ kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản có trách nhiệm lập báo cáo kê khai đăng ký theo đúng mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 09/2012/TT-BTC ngày 19/01/2012 của Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

- Đối với trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp thực hiện kê khai theo Mẫu số 01-ĐK/TSNN; mỗi trụ sở lập riêng một báo cáo kê khai;

- Đối với xe ô tô thực hiện kê khai theo Mẫu số 02-ĐK/TSNN; mỗi đơn vị lập một báo cáo kê khai;

- Đối với tài sản khác có nguyên giá theo sổ kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/1 đơn vị tài sản thực hiện kê khai theo Mẫu số 03-ĐK/TSNN; mỗi đơn vị lập một báo cáo kê khai;

b) Hình thức báo cáo kê khai lần đầu đối với tài sản của các dự án sử dụng vốn nhà nước:

Ban quản lý dự án được giao quản lý, sử dụng tài sản nhà nước là trụ sở làm việc, xe ô tô các loại, các tài sản khác đủ tiêu chuẩn là tài sản cố định theo

quy định về tiêu chuẩn và nhận biết tài sản cố định trong cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và các tổ chức có sử dụng ngân sách nhà nước có trách nhiệm lập báo cáo kê khai đăng ký theo đúng mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 198/2013/TT-BTC ngày 20/12/2013 của Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

- Đối với trụ sở làm việc của Ban quản lý dự án thực hiện kê khai theo Mẫu số 01a-ĐK/TSDA;

- Đối với xe ô tô thực hiện kê khai theo Mẫu số 01b-ĐK/TSDA;

- Đối với các tài sản khác đủ tiêu chuẩn là tài sản cố định theo quy định về tiêu chuẩn và nhận biết tài sản cố định trong cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và các tổ chức có sử dụng ngân sách nhà nước (không phải là nhà, đất, xe ô tô) thực hiện kê khai theo Mẫu số 01c-ĐK/TSDA.

c) Ngoài các loại tài sản nhà nước được nêu tại Khoản 1, Điều 5 Quy chế này, trường hợp tài sản nhà nước khác theo quy định của pháp luật chuyên ngành (tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, công trình nước sạch nông thôn tập trung,...) thì thực hiện kê khai theo quy định.

2. Trường hợp báo cáo kê khai bổ sung:

a) Báo cáo kê khai bổ sung đối với tài sản nhà nước:

Khi có thay đổi về tài sản nhà nước do đầu tư xây dựng, mua sắm mới, tiếp nhận từ đơn vị khác về sử dụng, thanh lý, điều chuyển, bị thu hồi, tiêu hủy hoặc bán theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; thay đổi mục đích sử dụng tài sản hoặc cơ quan được giao quản lý, sử dụng tài sản thay đổi tên gọi, chia tách, sát nhập theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Cơ quan, tổ chức, đơn vị có các thông tin thay đổi nêu trên lập báo cáo kê khai bổ sung trong thời hạn không quá 30 ngày, kể từ ngày có sự thay đổi theo mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 09/2012/TT-BTC ngày 19/01/2012 của Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

- Những tài sản được đầu tư xây dựng mới, mua sắm hoặc tiếp nhận về sử dụng tại đơn vị: thực hiện kê khai theo Mẫu số 01-ĐK/TSNN, 02-ĐK/TSNN, 03-ĐK/TSNN;

- Thay đổi thông tin về đơn vị sử dụng tài sản theo Mẫu số 04a-ĐK/TSNN;

- Thay đổi thông tin về tài sản là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp theo Mẫu số 04b-ĐK/TSNN;

- Thay đổi thông tin về tài sản là xe ô tô theo Mẫu số 04c-ĐK/TSNN;

- Thay đổi thông tin về tài sản khác có nguyên giá từ 500 triệu đồng trở lên/1 đơn vị tài sản theo Mẫu số 04d-ĐK/TSNN;

- Xóa thông tin về tài sản trong Cơ sở dữ liệu theo Mẫu số 04d-ĐK/TSNN.

b) Báo cáo kê khai bổ sung đối với tài sản của các dự án sử dụng vốn nhà nước:

Khi có thay đổi về tài sản phục vụ công tác quản lý dự án do đầu tư xây dựng, mua sắm mới, tiếp nhận từ đơn vị khác về sử dụng; thu hồi, điều chuyển, bán, thanh lý tài sản theo quyết định của cơ quan nhà nước cơ thẩm quyền; Ban quản lý dự án có các thông tin thay đổi nêu trên lập báo cáo kê khai bổ sung trong thời hạn không quá 30 ngày, kể từ ngày có sự thay đổi theo mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 198/2013/TT-BTC ngày 20/12/2013, cụ thể như sau:

- Những tài sản được đầu tư xây dựng mới, mua sắm hoặc tiếp nhận về sử dụng sau khi đã thực hiện báo cáo kê khai lần đầu: thực hiện theo Mẫu số 01a-ĐK/TSDA, 01b-ĐK/TSDA, 01c-ĐK/TSDA;

- Thay đổi thông tin về tài sản là trụ sở làm việc theo Mẫu số 02a-ĐK/TSDA;

- Thay đổi thông tin về tài sản là xe ô tô theo Mẫu số 02b-ĐK/TSDA;

- Thay đổi thông tin về tài sản cố định (không phải là nhà, đất, xe ô tô) theo Mẫu số 02c-ĐK/TSDA;

- Xóa thông tin về tài sản trong Cơ sở dữ liệu theo Mẫu số 03/TSDA.

3. Báo cáo kê khai đăng ký tài sản nhà nước, tài sản của các dự án sử dụng vốn nhà nước được lập thành 03 bộ và kèm theo bản sao các giấy tờ có liên quan đến tài sản báo cáo kê khai, gồm: giấy tờ liên quan đến nhà, đất đang sử dụng (đối với trụ sở làm việc); giấy đăng ký xe ô tô; biên bản nghiệm thu đưa tài sản vào sử dụng (đối với tài sản có nguyên giá theo sổ kế toán từ 500 triệu đồng ở lên/1 đơn vị tài sản), gửi 02 bộ đến Sở, ban, ngành chủ quản hoặc cơ quan chủ quản dự án hoặc UBND cấp huyện (sau đây gọi tắt là cơ quan chủ quản), 01 bộ lưu tại cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ban quản lý dự án.

4. Cơ quan chủ quản (riêng cấp huyện: UBND các huyện, thành phố giao cho Phòng Kế hoạch - Tài chính) thực hiện xác nhận hồ sơ báo cáo kê khai tài sản của cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ban quản lý dự án trực thuộc; gửi 01 bộ hồ sơ báo cáo kê khai tài sản đã có xác nhận đến Sở Tài chính, 01 bộ lưu tại cơ quan chủ quản.

5. Sở Tài chính hoặc cơ quan được phân cấp nhập dữ liệu thực hiện việc đăng ký tài sản vào Phần mềm Quản lý đăng ký tài sản nhà nước theo quy định.

#### **Điều 6. Phối hợp cung cấp thông tin để kiểm tra, đối chiếu kết quả kê khai đăng ký tài sản nhà nước**

1. Sở Tài chính hoặc các cơ quan được phân cấp nhập liệu (Phòng Tài chính - Kế hoạch các huyện, thành phố) có trách nhiệm cập nhật, kiểm tra, đối chiếu số liệu đã nhập vào Phần mềm Quản lý đăng ký tài sản nhà nước với hồ sơ báo cáo kê khai của cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ban quản lý dự án.

2. Đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ban quản lý dự án thuộc phạm vi quản lý của UBND các huyện, thành phố:

Cơ quan được phân cấp nhập liệu (Phòng Tài chính - Kế hoạch các huyện, thành phố) sau khi đối chiếu số liệu trong CSDL với hồ sơ báo cáo kê khai có trách nhiệm:

a) In và gửi Phiếu xác nhận thông tin trong CSDL về tài sản nhà nước cho từng cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ban quản lý dự án có tài sản để rà soát, kiểm tra và xác nhận về tính chính xác của số liệu đã đăng nhập vào CSDL;

b) In và gửi thông tin về quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đến Phòng Tài nguyên và Môi trường để Phòng Tài nguyên và Môi trường căn cứ hồ sơ địa chính đối chiếu, kiểm tra các thông tin có liên quan;

c) Cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ban quản lý dự án và Phòng Tài nguyên và Môi trường các huyện, thành phố có trách nhiệm đối chiếu, xác nhận thông tin nêu trên và gửi về Phòng Tài chính - Kế hoạch các huyện, thành phố trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị.

3. Đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ban quản lý dự án cấp tỉnh:

Sở Tài chính sau khi đối chiếu số liệu trong CSDL với hồ sơ báo cáo kê khai có trách nhiệm:

a) In và gửi Phiếu xác nhận thông tin trong CSDL về tài sản nhà nước cho từng cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ban quản lý dự án có tài sản để rà soát, kiểm tra và xác nhận về tính chính xác của số liệu đã đăng nhập vào CSDL;

b) In và gửi thông tin về quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đến Sở Tài nguyên và Môi trường để Sở Tài nguyên và Môi trường căn cứ hồ sơ địa chính đối chiếu, kiểm tra các thông tin có liên quan;

c) Cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ban quản lý dự án và Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm đối chiếu, xác nhận thông tin nêu trên và gửi về Sở Tài chính trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị.

## **Điều 7. Phối hợp trong công tác lập dự toán đầu tư xây dựng, mua sắm, nâng cấp, cải tạo, sửa chữa tài sản nhà nước**

1. Cơ quan chủ quản và các đơn vị sử dụng tài sản nhà nước, tài sản của các dự án sử dụng vốn nhà nước khi xây dựng kế hoạch mua sắm, đầu tư xây dựng, nâng cấp, cải tạo, sửa chữa tài sản nhà nước từ nguồn ngân sách nhà nước phải gửi kèm theo Phiếu xác nhận thông tin trong CSDL về tài sản nhà nước do Sở Tài chính / hoặc Phòng Tài chính - Kế hoạch các huyện, thành phố (đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ban quản lý dự án thuộc phạm vi quản lý của UBND các huyện, thành phố) cung cấp trình cấp có thẩm quyền tổng hợp, thẩm định, phê duyệt dự toán.

2. Sở Tài chính / Phòng Tài chính - Kế hoạch các huyện, thành phố kiểm tra hiện trạng và số lượng tài sản đã được trang cấp của đơn vị đã đăng ký trong CSDL quốc gia về tài sản nhà nước. Nếu cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ban quản lý dự án chưa kê khai, đăng ký tài sản (trụ sở làm việc; xe ô tô; tài sản khác có nguyên giá từ 500 triệu đồng trở lên/ 1 đơn vị tài sản hoặc các tài sản cố định khác không phải nhà, đất, xe ô tô) theo quy định, Sở Tài chính / Phòng Tài chính - Kế hoạch các huyện, thành phố đề nghị đơn vị kê khai bổ sung đầy đủ trước khi thực hiện thẩm định dự toán.



3. Trường hợp cần thiết, các cơ quan thẩm định kiểm tra thực tế tài sản tại đơn vị. Nếu số liệu trong CSDL quốc gia không phản ánh đúng thực tế hiện trạng kiểm tra thì đề nghị cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ban quản lý dự án được giao quản lý, sử dụng tài sản nhà nước hoặc tài sản của các dự án sử dụng vốn nhà nước phải báo cáo điều chỉnh số liệu gửi cơ quan chủ quản, Sở Tài chính / Phòng Tài chính - Kế hoạch các huyện, thành phố để thực hiện điều chỉnh trong CSDL.

4. Sở Tài chính chịu trách nhiệm cung cấp Phiếu xác nhận thông tin trong CSDL về tài sản nhà nước cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ban quản lý dự án cấp tỉnh (Phòng Tài chính - Kế hoạch các huyện, thành phố chịu trách nhiệm cung cấp Phiếu xác nhận thông tin trong CSDL về tài sản nhà nước cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ban quản lý dự án thuộc phạm vi quản lý của UBND các huyện, thành phố) khi có yêu cầu.

5. Riêng đối với các dự án đầu tư xây dựng cơ bản trong kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản hàng năm đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua và UBND tỉnh có quyết định giao kế hoạch thì thực hiện theo các quy định hiện hành về đầu tư xây dựng cơ bản.

#### **Điều 8. Phối hợp trong công tác xét duyệt quyết toán đầu tư xây dựng, mua sắm, nâng cấp, cải tạo, sửa chữa tài sản nhà nước**

1. Cơ quan có thẩm quyền xét duyệt quyết toán (Sở Tài chính, Phòng Tài chính- Kế hoạch,..) chỉ xem xét, thực hiện quyết toán đối với các tài sản thuộc đối tượng kê khai đăng ký sau khi tài sản đó đã được đăng ký vào CSDL.

2. Sau khi quyết toán, nếu có chênh lệch về số liệu giữa CSDL với giá trị duyệt quyết toán thì đề nghị cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ban quản lý dự án được giao quản lý, sử dụng tài sản có trách nhiệm lập báo cáo điều chỉnh số liệu theo mẫu quy định tại khoản 2 Điều 5 Quy chế này, gửi cơ quan chủ quản xác nhận và gửi Sở Tài chính để thực hiện điều chỉnh trong CSDL.

3. Sau khi có kết quả duyệt quyết toán, các đơn vị thực hiện bàn giao đầy đủ hồ sơ liên quan đến tài sản nhà nước, tài sản của các dự án sử dụng vốn nhà nước đã thực hiện đầu tư, mua sắm cho đơn vị thụ hưởng tiếp tục theo dõi.

4. Đối với các dự án đầu tư xây dựng cơ bản trong kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản hàng năm đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua và UBND tỉnh có quyết định giao kế hoạch, khi công trình hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng, đơn vị trực tiếp nhận bàn giao, quản lý, sử dụng có trách nhiệm thực hiện lập báo cáo kê khai tài sản nhà nước theo quy định tại Quy chế này.

Chủ đầu tư công trình (hoặc Ban quản lý dự án) có trách nhiệm yêu cầu đơn vị nhận bàn giao, quản lý, sử dụng tài sản nhà nước cung cấp Phiếu xác nhận thông tin trong CSDL về tài sản nhà nước để bổ sung vào hồ sơ trình thẩm tra phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành.

#### **Điều 9. Phối hợp trong công tác xử lý (thu hồi, bán, điều chuyển, thanh lý, tiêu hủy) tài sản nhà nước và xử lý tài sản phục vụ công tác quản lý của dự án khi dự án kết thúc**

1. Cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản nhà nước khi đề nghị xử lý tài sản nhà nước (thu hồi, bán, điều chuyển, thanh lý, tiêu hủy) phải kèm theo Danh mục tài sản nhà nước đề nghị xử lý theo Mẫu số 01-DM/TSNN, Mẫu số 02-DM/TSNN, Mẫu số 03-DM/TSNN ban hành kèm theo Thông tư số 09/2012/TT-BTC ngày 19/01/2012 của Bộ Tài chính, hoặc được in trực tiếp từ CSDL thông qua Phần mềm quản lý đăng ký TSNN.

2. Đối với các dự án sử dụng vốn nhà nước, khi dự án kết thúc, Ban quản lý dự án có trách nhiệm kiểm kê tài sản phục vụ công tác quản lý dự án và khi đề nghị xử lý tài sản (thu hồi, bán, điều chuyển, thanh lý, tiêu hủy) phải kèm theo Danh mục tài sản đề nghị xử lý theo mẫu số 04a-DM/TSDA, mẫu số 04b-DM/TSDA, Mẫu số 04c-DM/TSDA; Biên bản kiểm kê tài sản theo Mẫu số 05a/TSDA ban hành kèm theo Thông tư số 198/2013/TT-BTC ngày 20/12/2013 của Bộ Tài chính, hoặc được in trực tiếp từ CSDL thông qua Phần mềm quản lý đăng ký TSNN.

3. Sở Tài chính hướng dẫn thủ tục và có trách nhiệm cung cấp Danh mục tài sản nhà nước đề nghị xử lý cho đơn vị khi có yêu cầu.

#### **Điều 10. Phối hợp trong việc kiểm tra, kiểm toán, thanh tra việc chấp hành chế độ quản lý, sử dụng tài sản nhà nước**

1. Cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán sử dụng thông tin trong CSDL để thực hiện công tác kiểm tra, kiểm toán, thanh tra việc chấp hành chế độ quản lý, sử dụng tài sản nhà nước, tài sản của các dự án sử dụng vốn nhà nước.

2. Sở Tài chính chịu trách nhiệm cung cấp hồ sơ về tài sản in trực tiếp từ CSDL khi có yêu cầu của cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán.

#### **Điều 11. Phối hợp trong công tác báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản nhà nước theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước**

1. Hàng năm, cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản nhà nước có trách nhiệm lập Báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản nhà nước của năm trước đối với các tài sản quy định tại khoản 2 Điều 32 Nghị định số 52/2009/NĐ-CP ngày 03/6/2009 của Chính phủ, gửi cơ quan chủ quản trước ngày 30 tháng 01.

Nội dung báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản nhà nước thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 18 Thông tư số 245/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính.

2. Cơ quan chủ quản lập Báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản nhà nước tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý gửi về UBND tỉnh đồng gửi Sở Tài chính trước ngày 28 tháng 02 hàng năm.

Nội dung báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản nhà nước thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 18 Thông tư số 245/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính.

3. Sở Tài chính tổng hợp và trình dự thảo Báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản nhà nước thuộc phạm vi quản lý trình UBND tỉnh đề UBND tỉnh báo cáo Bộ Tài chính trước ngày 15 tháng 3 hàng năm.

Nội dung báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản nhà nước thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Thông tư số 245/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 và theo điều 5 Thông tư số 09/2012/TT-BTC ngày 19/01/2012 của Bộ Tài chính.

### **Chương III** **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **Điều 12. Khen thưởng và xử lý vi phạm**

Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân, Ban quản lý dự án thực hiện tốt những nội dung của bản Quy chế này thì được khen thưởng. Cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân, Ban quản lý dự án vi phạm các quy định tại Quy chế này thì tùy theo mức độ vi phạm mà có hình thức xử lý theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 13. Trách nhiệm tổ chức thực hiện**

1. Giao cho Sở Tài chính tổ chức hướng dẫn, kiểm tra thực hiện Quy chế này, định kỳ hàng năm tổng hợp, tình hình báo cáo UBND tỉnh.

2. Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh có liên quan và UBND các huyện, thành phố, thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ban quản lý dự án thuộc phạm vi quản lý của UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu có trách nhiệm triển khai, thực hiện những quy định tại Quy chế này.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề phát sinh hoặc khó khăn, vướng mắc cần sửa đổi, bổ sung Quy chế này, các cơ quan, đơn vị báo cáo bằng văn bản về Sở Tài chính để tổng hợp, đề xuất trình UBND tỉnh xem xét, giải quyết./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Thành Long